

# HỒ CHÍ MINH VÀ VĂN HÓA TRUNG QUỐC

PGS. NGUYỄN BẰNG TƯỜNG

*Ủy viên HĐBT Tạp chí*

*Nghiên cứu Trung Quốc*

**H**ồ Chí Minh coi trọng và vận dụng các giá trị văn hóa Trung Hoa. Đó là vì:

+ Hồ Chí Minh xuất thân từ một gia đình Nho giáo

+ Hồ Chí Minh sang phương Tây, không đi theo con đường của các sĩ phu (Nho giáo). Hồ Chí Minh đã tìm đến chủ nghĩa Mác – Lênin. Vì đó là con đường đúng đắn, hợp thời đại để giải phóng dân tộc. Nho giáo không còn là hệ tư tưởng có thể dẫn dắt dân tộc Việt Nam trong thời đại mới.

Nhưng Hồ Chí Minh lại thấy cần thiết phải gắn chủ nghĩa Mác– Lênin với truyền thống phương Đông, gắn với truyền thống Trung Quốc, đặc biệt là Nho giáo. Do đó, Hồ Chí Minh đã vận dụng chủ nghĩa Mác–Lênin và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác–Lênin bằng cách kết hợp nó với truyền thống văn hóa của các dân tộc phương Đông, trong đó có Trung Hoa.

Chủ nghĩa Mác – Lênin cần gắn với truyền thống văn hóa phương Đông.. Tự thân chủ nghĩa Mác – Lênin có nhu cầu được phát triển khi vận dụng vào các quốc gia, các dân tộc cụ thể. Đương thời, trong sự nghiệp hoạt động của mình, K.Marx và V.Lênin luôn nhấn mạnh lý thuyết về chủ nghĩa Mác không phải là giáo điều, và cũng không phải đã đi đến tận cùng của chân lý.

K.Marx cũng chưa có điều kiện nghiên cứu và viết xong bộ *Tư bản*, do vậy còn nhiều vấn đề về mặt lý luận ông đã phải giao lại. Ví dụ, K.Marx đã để lại nhiều bản thảo về “xã hội cổ đại” của Morgan... Sau khi K.Marx mất, P.Ăngghen coi đó là một bản di chúc cần phải tiếp tục nghiên cứu.

Vấn đề mà Mác nêu ra là cần phải được tiếp tục nghiên cứu và bổ sung vào lý luận của mình. Vấn đề đó là vấn đề gì? Đó là lý giải về xã hội phương Đông. P.Ăngghen đã viết một công trình nghiên

cứu tổng thể dài “*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*” để đi sâu vào xã hội phương Đông.

Khi nghiên cứu về những vấn đề duy vật lịch sử, những vấn đề của xã hội được thể hiện trong tác phẩm “*Hệ tư tưởng Đức*”. K Marx và P. Ăngghen đã nêu lên hai nền tảng sản xuất: *một là sản xuất sinh ra của cải vật chất để nuôi sống con người và hai là sản xuất ra bản thân con người*. Tư tưởng này trong những tác phẩm kế tiếp sau đã được hai nhà tư tưởng vĩ đại của công nhân thế giới tiếp tục nghiên cứu và phát triển. Trong bộ *Tư bản*, Mác đã đi sâu phân tích về chủ nghĩa tư bản trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất và đã hoàn thiện lý luận về “*Hình thái kinh tế xã hội*”. Từ lý luận này, K.Marx đã đặt nền móng “*duy vật*” cho sự giải thích xã hội tư bản và giải thích toàn bộ tiến trình phát triển của nhân loại. Mác đã làm rõ quá trình phát triển đó là quá trình lịch sử tự nhiên, đi từ thấp đến cao, trải qua nhiều chế độ xã hội khác nhau và đấu tranh giai cấp là động lực của sự phát triển xã hội. Khi nghiên cứu vào xã hội phương Đông, K.Mark thấy lý thuyết *Hình thái kinh tế xã hội* của ông chưa đầy đủ để giải thích những đặc điểm của những xã hội này. Mark đã đưa ra một khái niệm mới là *Phương thức sản xuất châu Á*. Khái niệm này bổ sung cho lý thuyết *Hình thái kinh tế xã hội*. Trong “*Phương thức sản xuất châu Á*” không những nêu lên những quan hệ kinh tế là cơ sở của đời sống xã hội, mà còn đề cập một cách sâu sắc vấn đề quan hệ huyết thống, quan hệ

giữa con người với tự nhiên (nhu cầu phòng chống thiên tai, lũ lụt, động đất...) là những quan hệ có vai trò quyết định đến sự tồn vong và phát triển của những xã hội này. Cần nói ngay rằng, quan điểm chính thống của các học giả Liên Xô trước đây chỉ khẳng định lý luận về “*Hình thái kinh tế xã hội*” của Mác còn thì phủ nhận lý luận về hai nền sản xuất. Điều này thể hiện rõ trong chú thích khi xuất bản tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình của chế độ tư hữu và của nhà nước* của P.Ăngghen. Cách làm đó của các học giả Liên Xô thực chất đã làm sơ cứng lý luận về “*Hình thái kinh tế xã hội*” của K.Marx.

Lênin trong giai đoạn mới đã đi sâu phân tích một cách khoa học và chính xác chủ nghĩa đế quốc, từ đó đã đi đến kết luận khác hơn với Mác và P.Ăngghen trước đây về cách mạng XHCN có thể mở ra ở một số nước TBCN kém phát triển và giành được thắng lợi. Rất nhiều người dưới danh nghĩa kiên trì Chủ nghĩa Mác, chống lại lý luận của Lênin, chẳng hạn như Cao-sky, Ple-Rhegn, Trố-sky... Nhưng thực tiễn đã chứng minh lý luận của Lênin đã phát triển Chủ nghĩa Mác trong giai đoạn mới của lịch sử là hoàn toàn đúng đắn. Đó chính là sự phát triển, sự bổ sung và đóng góp của Lênin vào chủ nghĩa Mác. Từ đây, rất nhiều vấn đề thực tiễn và lý luận đặt ra đối với những người cộng sản phải tiếp tục phát triển lý luận của mình. Ví dụ như vấn đề mâu thuẫn giữa các đế quốc và thuộc địa, vấn đề giải phóng dân tộc và chế độ thực dân. Lênin đã mở rộng khẩu hiệu của Mác “*giai cấp vô sản trên toàn thế giới liên*

hiệp lại” thành khẩu hiệu “giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới liên hiệp lại”. Lênin rất quan tâm đến vấn đề giải phóng dân tộc bị áp bức, ông đòi hỏi những người cộng sản và những người yêu nước ở phương Đông phải vận dụng chủ nghĩa Mác sáng tạo và phù hợp với hoàn cảnh của các nước phương Đông vốn có nhiều tính chất dị biệt so với các nước phương Tây.

Trong 10 năm đi tìm con đường cứu nước từ Đông sang Tây, tại Pháp, Hồ Chí Minh đã bắt gặp và tiếp thu được tư tưởng của Lênin về giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Từ đó, Hồ Chí Minh suy ngẫm và giải quyết những vấn đề cách mạng ở các nước thuộc địa trong đó có Việt Nam dưới ánh sáng của Chủ nghĩa Mác – Lênin. Hồ Chí Minh luôn vận dụng Chủ nghĩa Mác – Lênin một cách sáng tạo và phát triển. Người cho rằng cuộc cách mạng ở các nước thuộc địa không những không phụ thuộc vào cuộc cách mạng của giai cấp vô sản ở chính quốc, mà ngược lại, chính cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa có tác động trở lại với thắng lợi của cuộc cách mạng vô sản ở chính quốc. Thực tiễn cách mạng nhiều năm qua đã chứng minh tư tưởng đường lối của Hồ Chí Minh là đúng đắn, chứng minh cho những người cho rằng Hồ Chí Minh đi theo con đường dân tộc chủ nghĩa, thoát ly nguyên lý đấu tranh giai cấp của Chủ nghĩa Mác – Lênin là sai lầm. Thực chất, những người đó là giáo điều, đã không hiểu đặc điểm của các quốc gia, các dân tộc và văn hóa của các nước phương Đông, trong đó có Việt Nam.

Trong giai đoạn lịch sử mới, các dân tộc bị áp bức muốn thực sự được giải phóng triệt để phải đi theo con đường cách mạng vô sản, phải biết vận dụng Chủ nghĩa Mác – Lênin một cách sáng tạo vào hoàn cảnh đất nước mình. Hồ Chí Minh đã làm như vậy và đã thành công.

Đi sang phương Tây, Hồ Chí Minh đã tiếp thu Chủ nghĩa Mác–Lênin, Người đã nhận ra đây là đỉnh cao của tinh hoa văn hóa phương Tây và nhân loại. Mặt khác, Người cũng nhận thấy muốn kết hợp, vận dụng Chủ nghĩa Mác – Lênin với văn hóa phương Đông cần phải hiểu rõ những nét đặc trưng của hai nền văn hóa phương Tây và phương Đông. Mối quan hệ giữa văn hóa phương Tây và phương Đông thật phong phú, song có thể thấy Hồ Chí Minh đã chọn lọc những nét tinh hoa, độc đáo của hai nền văn hóa đó.

Có thể nói tư duy lý luận biện chứng khoa học trong lý luận của Mác - Lênin đã đạt tới đỉnh cao, đã tìm ra những quy luật phát triển của xã hội loài người, của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc. Hồ Chí Minh đã đem Chủ nghĩa Mác – Lênin truyền bá vào Việt Nam – một quốc gia ở Đông Nam Á có truyền thống văn hóa phương Đông. Điều đó đòi hỏi sự am hiểu sâu sắc những đặc trưng văn hóa phương Đông. Hồ Chí Minh đã làm như vậy.

Trong tư duy của nhân loại bao giờ cũng có sự kết hợp chặt chẽ giữa lý tính và phi lý tính, đó là những quá trình khác nhau của tư duy con người, luôn bổ sung cho nhau. Tuy vậy, lịch sử tư duy của phương Tây cho ta thấy các nhà triết

học và các nhà tư tưởng phương Tây đề cao tư duy lý tính, từ Aritxôt cho đến Hêghen, tuy nhiên có nhiều nhà triết học cũng nói đến những hình thức phi lý tính như Sôcrat, Sôpenhao, Phobách... nhưng không nhiều, hơn nữa ngay trong các tác phẩm của họ vẫn lý giải các vấn đề trên cơ sở tư duy lý tính.

Còn ở phương Đông, Khổng Tử, Lão Tử... lại có cách tiếp cận chân lý khác với phương Tây – phi lý tính. Khổng Tử nói: “Thuật nhi bất tác”. Lão Tử nói “Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh”.

Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh mặt tình cảm, do đó khi tiếp thu Chủ nghĩa Mác – Lênin, Hồ Chí Minh kết hợp giữa lý trí và tình cảm. Kết hợp tri thức và tình cảm là nguyên tắc trong nhận thức và hành động của Hồ Chí Minh. Nguyên tắc đó chỉ đạo Hồ Chí Minh tiếp thu Chủ nghĩa Mác – Lênin, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác.

Với nguyên tắc trên đây, Hồ Chí Minh đã đưa chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam và một số nước Đông Nam châu Á. Việt Nam là một quốc gia ở Đông Nam Á, song lại là một nước “đồng văn” cùng chịu ảnh hưởng của Nho giáo như một số nước Đông Bắc Á khác như Nhật Bản, Hàn Quốc... Hồ Chí Minh kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin với truyền thống văn hóa phương Đông, chủ yếu là với văn hóa Trung Hoa. Văn hóa Trung Hoa đã có một quá trình lịch sử lâu dài, ảnh hưởng sâu sắc đến Việt Nam. Sự vận dụng kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin với những truyền thống văn hóa Trung Hoa

ở Việt Nam của Hồ Chí Minh là trên cơ sở nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin, vận dụng một cách sáng tạo, kết hợp với nền văn hóa Việt Nam, thực tiễn Việt Nam. Sau đây có thể đưa ra những ví dụ.

*Hồ Chí Minh quan tâm vận dụng những tư tưởng trong “Kinh dịch”.* Trong khi tiếp thu Nho giáo từ các bậc cha chú, Hồ Chí Minh đã tiếp thu văn hóa dịch học. Tinh thần Kinh dịch được thể hiện sâu sắc ở Dịch lý đó là “bất dịch” “biến dịch” và “giản dịch”. Hồ Chí Minh đã vận dụng điều này khi Người nói chuyện với ông Huỳnh Thúc Kháng trước khi sang Pháp “đi bất biến, ứng vạn biến”. Đó là tinh thần của Dịch lý được Hồ Chí Minh coi như một cách ứng xử, một phương pháp giải quyết mọi vấn đề của quốc gia.

“Giản dịch” (giản dị) đó là chân lý, đó là hành vi, đó là cách tư duy đúng đắn. Hồ Chí Minh đã quán triệt điều đó trong cuộc sống của mình. Có thể nêu thêm những ví dụ cụ thể để nói Hồ Chí Minh rất coi trọng “vạn dịch” trong tư tưởng của Kinh dịch. Trong “Ngục trung Nhật ký” Hồ Chí Minh rất quan tâm đến tình hình thế giới và trong nước để tiến tới tổng khởi nghĩa. Người chú ý vận dụng chữ “Thời” của Kinh dịch. Người viết:

*“Vạn vật tuần hoàn đã dịch sẵn  
Hết mưa là lại nắng hừng lên thôi”*

Hay câu:

*“Lỡ bước hai xe đành bỏ phí  
Gặp thời một tốt cũng thành công”*

Vận dụng chữ “Thời”, Hồ Chí Minh đã đưa ra những dự báo đúng đắn cho cách mạng Việt Nam.

- Dự báo về cuộc chiến tranh Thái Bình Dương

- Dự báo 1945 sự nghiệp hoàn thành (năm 1942)

- Dự báo tổng khởi nghĩa (năm 1945)

- Dự báo chậm nhất 15 năm nữa nước ta được thống nhất (năm 1960)

Coi trọng chữ “Thời”, Hồ Chí Minh đã chủ động chọn những ngày thật sự có ý nghĩa. Như việc chọn ngày 2- 9 -1945 với ta là ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, trên thế giới đó là ngày Nhật Bản phải ký hiệp định đầu hàng vô điều kiện quân Đồng Minh. Điều này là một sự khẳng định mạnh mẽ lời tuyên bố của Hồ Chí Minh trong bản Tuyên ngôn độc lập là nước Việt Nam thực sự là một nước độc lập. Hồ Chí Minh chắc chắn cũng đã chọn ngày 10-10 là ngày Chính phủ ta tiến quân về Thủ đô, đó là ngày tết song thập của Cách mạng Tân Hợi. Ngày giải phóng Thủ đô cũng là thực hiện được một bước quan trọng “Chủ nghĩa Tam dân” của tôn Trung Sơn, điều mà Hồ Chí Minh đã gắn liền với tên nước.

*Hồ Chí Minh cũng kế thừa những tư tưởng chủ yếu của Nho giáo.* Hồ Chí Minh vận dụng tư tưởng Đức trị của Nho giáo, phát triển lên một trình độ cao, kết hợp tư tưởng đó với tư tưởng của Chủ nghĩa Mác-Lênin và truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam. Trong *Luận ngữ*, Khổng Tử viết: “Vi chính dĩ đức”. Đức trị là cai trị bằng đạo đức, bằng nhân nghĩa, không phải bằng bạo lực (tất nhiên trong xã hội phong kiến

không nên hiểu tuyệt đối, ngay trong lý thuyết cũng không có Đức trị thuần túy, những nhà Nho chủ trương Đức trị cũng vẫn là “Duy lễ trọng pháp” hay “Dương Nho âm pháp”). Hồ Chí Minh thực hiện đức trị bằng cách mở rộng chữ “trung” chữ “hiếu” thành “trung với nước hiếu với dân”. Đức trị được duy trì bằng sự noi gương, bằng sự giáo dục, bằng sự tu dưỡng. Nhiều lần Hồ Chí Minh đưa tư tưởng Bát Mực của Nho giáo ra để yêu cầu cán bộ quản lý, lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Bác nói chúng ta phải thực hiện: Tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ.

*Hồ Chí Minh coi trọng tư tưởng “lấy dân làm gốc” trong “Đức trị”.* Hồ Chí Minh luôn luôn đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải vì lợi ích của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân, tiêu chuẩn phân biệt đúng sai phải trái theo Hồ Chí Minh là có phù hợp với lợi ích của nhân dân hay không? Khổng Tử coi trọng “lòng tin của dân” “Dân vô tín biệt lập”. Hồ Chí Minh là lãnh tụ được nhân dân tin yêu, cũng là do lòng tin yêu quần chúng nhân dân của Người. Đối với một chế độ chính trị, theo quan điểm của Nho giáo “lòng tin của người dân” là quyết định. Sự vững vàng của chế độ đó không phải trước hết là ở sức mạnh của quân đội, cũng không phải sức mạnh ở kinh tế mà điều quan trọng nhất là “lòng tin của người dân” nên Khổng Tử nói “Dân vô tín biệt lập”.

Hồ Chí Minh cũng nhắc lại câu nói của Khổng Tử “Bất hoạn quả nhi hoạn bất quản, bất hoạn bàn nhi hoạn bất an”.

Đó chính là cần quan tâm đến lòng tin của người dân, lòng dân không yên là điều xấu nhất.

Sức mạnh làm cách mạng, sức mạnh xây dựng đất nước là sức mạnh của quần chúng nhân dân, Hồ Chí Minh đã biết kết hợp quan điểm quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử với tư tưởng “Dân bản” của các dân tộc phương Đông thật nhuần nhuyễn.

Trong quan hệ giữa người và người, Khổng Tử nêu lên quan hệ của hai người quân tử và tiểu nhân. Khổng Tử nói: Quân tử hòa nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hòa. Khổng Tử đề cao khái niệm “hòa”, đòi hỏi con người trong quan hệ với người khác, với cộng đồng vẫn giữ được bản lĩnh, khí tiết của riêng mình. Khổng Tử hai khái niệm “hòa” và “đồng” là đối lập nhau. Tiếp thu tư tưởng của Khổng Tử, Hồ Chí Minh nói: “Hòa mà không tư”, Hồ Chí Minh đem “hòa” đối lập với “tư”, “tư” là riêng tư của cá nhân con người, Hồ Chí Minh nhấn mạnh tư tưởng cộng đồng, không đem chữ “đồng” đối lập với chữ “hòa”, trái lại đem “hòa” và “đồng” kết hợp lại nhiều lần. Hồ Chí Minh nhắc nhở, đề cao chữ “đồng” khi nói: Chí ta đã quyết lòng ta đã đồng; hay Nước non giành lại nhờ son sắt, sự nghiệp làm nên bởi chữ “đồng”. Sự kết hợp giữa “hòa” và “đồng” đã tạo nên sức mạnh, đó chính là “đoàn kết”. Hồ Chí Minh luôn khẳng định sức mạnh của sự đoàn kết:

*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết*

*Thành công, thành công, đại thành công*

*Hồ Chí Minh tiếp thu tư tưởng tu thân của Nho giáo.* Có lần Hồ Chí Minh nói với cán bộ học theo cách làm của Nho giáo: tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Tu thân là điểm căn bản, Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải biết tu thân, tức là phải biết tu dưỡng đạo đức, như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong, đồng thời phải học hỏi để nâng cao trình độ mọi mặt. Hồ Chí Minh nêu ra khẩu hiệu muốn xây dựng CNXH phải có con người xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh cũng nêu lên khí tiết của người cộng sản như Mạnh Tử nói:

*“Phú quý bất năng dâm*

*Bần tiện bất năng di*

*Uy vũ bất năng khuất”*

Để có những con người có đức, có tài, Hồ Chí Minh coi trọng công tác giáo dục đào tạo thế hệ trẻ, Người thường nói: Vì sự nghiệp mười năm trồng cây, vì sự nghiệp trăm năm trồng người.

Hồ Chí Minh tiếp thu những tư tưởng, những tinh hoa của văn hóa truyền thống Trung Quốc còn có thể nêu lên nhiều vấn đề, nhiều khía cạnh. Nhưng trong kho tàng văn hóa đó, Hồ Chí Minh cũng nhận thấy Nho giáo là nền văn hóa chính thống tiêu biểu của Trung Quốc và có ảnh hưởng sâu đậm đến xã hội nước ta. Ở Hồ Chí Minh, việc tiếp thu, kế thừa có chọn lọc văn hóa truyền thống của Trung Quốc là trên cơ sở của Chủ nghĩa Mác-Lênin, là sự mở rộng, phát triển và bổ sung vào Chủ nghĩa Mác-Lênin trong quá trình tiến hành công cuộc cách mạng ở Việt Nam./.